

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi
con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Tấn P**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn T**

2. Ông **Nguyễn Phương T**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Hồ Quế T** – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 388/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp PA 2, xã BHP, huyện LH, tỉnh VL (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp PA 2, xã BHP, huyện LH, tỉnh VL (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Trần Minh T** trình bày: Anh T và chị D kết hôn năm 2016 được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã BHP, huyện LH, tỉnh VL. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê trọ ở BT để thuận tiện cho việc đi làm. Đến khi có con chị D cũng để con cho bên nội chăm sóc để hai vợ chồng đi làm, 2 - 3 tuần về nhà thăm con. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do nhiều lý do không hợp, không đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã BHP sống khoảng 01 năm thì quay lại sống chung. Nhưng sau khi vợ chồng sống chung lại tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên cả hai sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 04/4/2017, hiện tại cháu T đang sống chung với anh T và đang học mẫu giáo. Anh T đi làm hồ, sáng đi chiều về thu nhập 01 tháng khoảng 6.000.000đ. Khi anh T đi làm ở nhà cháu T có ông bà nội chăm sóc. Do từ trước đến nay con sống với anh T đã quen nên anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

Thông nhất lời trình bày và đồng ý yêu cầu ly hôn của anh Trần Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 04/4/2017, từ trước đến nay do công việc nên phải để cháu T cho ông bà nội chăm sóc nhưng chị D luôn gởi tiền về để ông bà lo cho cháu. Bây giờ chị D và anh T ly hôn nên chị yêu cầu được nuôi con, không đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng vì điều kiện kinh tế của chị đủ để nuôi con tốt hơn so với anh T. Chị D làm công ty thu nhập 1 tháng khoảng 10.000.000đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu Tòa án giao con cho chị D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

* Tại phiên tòa hôm nay: có mặt các đương sự.

- Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến và yêu cầu của mình.

- Bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã BHP. Đây là hôn nhân tự nguyện là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Tòa án xét thấy: anh T và chị D chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 7 năm 2022 thì không còn sống chung nữa. Anh T yêu cầu ly hôn và chị D cũng đồng ý. Căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân & gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai bên.

- Về con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 04/4/2017. Hiện nay đang sống chung với anh T. Xét nguyên đơn yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, từ lúc sinh ra cho đến nay cháu T sống bên nội với cha là anh T, cha mẹ đi làm vài ba tuần mới về thăm một lần. Anh T có thu nhập từ việc làm thợ hồ gần nhà và chị D cũng thừa nhận việc này. Để nhằm đảm bảo sự phát triển của cháu T sau này cũng như tránh cuộc sống của cháu bị xáo trộn nên Tòa án tiếp tục giao con chung anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, yêu cầu nuôi cháu T của chị D là không có cơ sở để chấp nhận. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Thúy D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 04/4/2017 cho anh Trần Minh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền tới lui thăm nom con không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trần Minh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004090 ngày 04/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADSHLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Tấn Phong